

Số: 1101/TCT-PCCS
V/v: ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2007

Kính gửi: Công ty TNHH Muto Việt nam

Trả lời công văn số 061211/MT ngày 21/12/2006 của Công ty TNHH Muto Việt Nam về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Xác định thời gian miễn thuế đối với dự án đầu tư mở rộng:

Tại điểm 3 mục III phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với dự án đầu tư mở rộng như sau: “Thời gian miễn thuế, giảm thuế theo điểm này được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành bắt đầu đưa vào sản xuất, kinh doanh”.

Tại điểm 1.3 mục IV phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC nêu trên hướng dẫn: “Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục kể từ năm đầu tiên cơ sở kinh doanh có thu nhập chịu thuế chưa trừ số lỗ được chuyển. Trường hợp năm đầu tiên được miễn thuế, giảm thuế có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ dưới 6 tháng, cơ sở kinh doanh có quyền được hưởng miễn thuế, giảm thuế ngay năm đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ năm tiếp theo”.

Căn cứ các hướng dẫn nêu trên thì Công ty có dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 6/2005, được miễn thuế cho phần thu nhập tăng thêm của dự án đầu tư mở rộng trong 1 năm là năm tài chính 2005 (tính theo năm dương lịch). Trường hợp dự án đầu tư mở rộng có thời gian hoàn thành đưa vào sử dụng trái đều 12 tháng trong năm tài chính thì Công ty căn cứ hướng dẫn tại điểm 1.3 mục IV phần E Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính để xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế: nếu hạng mục đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng dưới 6 tháng trong năm tài chính thì Công ty có quyền hưởng miễn thuế, giảm thuế ngay trong năm đó hoặc đăng ký thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ năm tiếp theo. Nếu hạng mục đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng 6 tháng trở lên thì thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế được tính ngay trong năm tài chính đó.

2. Về ưu đãi thuế đối với dự án sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu:

Tại Điều 39 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định: “Cơ sở kinh doanh hàng xuất khẩu quy định tại mục III, Danh mục A phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, ngoài việc được miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 36, Điều 37 và Điều 38 của Nghị định này còn được ưu đãi thêm về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: ...

3. Được giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính đối với các trường hợp:

a/ Công ty thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu; Việc xét giảm thuế được thực hiện cho từng năm”.

Căn cứ quy định nêu trên thì:

- Trường hợp Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi quy định tại mục III Danh mục A Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ “dự án sản xuất, kinh doanh hàng hoá có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 50% tổng giá trị hàng hoá sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính”, thì ngoài việc được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế theo điều kiện ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư còn được giảm thêm 20% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ doanh thu xuất khẩu mang lại.

- Trường hợp Công ty không thuộc ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại mục III Danh mục A Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ thì không thuộc đối tượng được giảm thêm 20% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ doanh thu xuất khẩu mang lại.

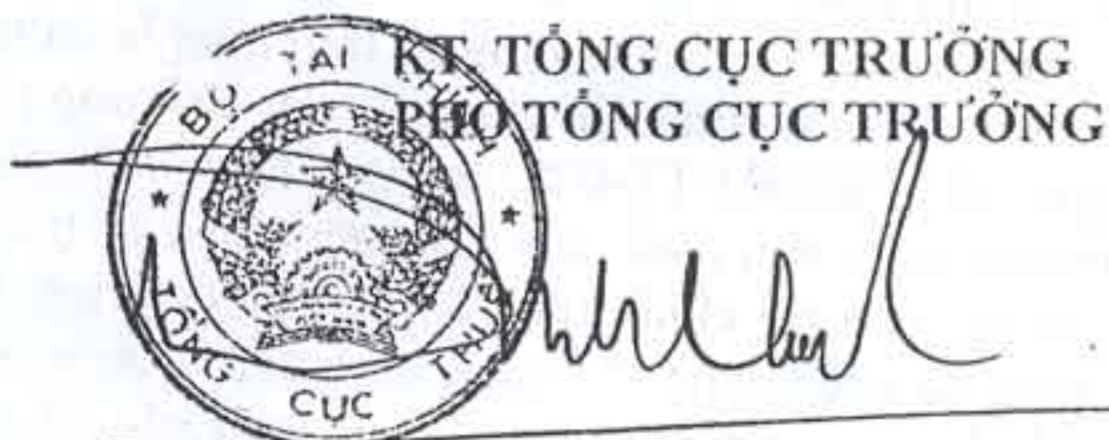
3. Về trích quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm:

Tại điểm 4b Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp như sau: “Nếu Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm hàng năm không chi hết được chuyển số dư sang năm sau”. Căn cứ hướng dẫn nêu trên thì hàng năm Công ty được trích lập quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp, mức trích cụ thể do doanh nghiệp tự quyết định tùy vào khả năng tài chính của doanh nghiệp và được chuyển số dư sang năm sau không phải hoàn nhập số dư quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm.

Tổng cục Thuế trả lời để Công ty TNHH Muto Việt nam được biết. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh Đồng Nai
- Vụ Pháp chế;
- Lưu VT, PCCS (2b)



Phạm Duy Khương